



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 238 /TBHH-TCTBĐATHHNM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng ra vào bến sà lan và khu nước trước bến
sà lan cảng Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT)

VTU - 42 – 2023.

Vùng biển: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tên luồng: luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải.

Căn cứ Đơn đề nghị số 130/2023/ĐN-TEC-SSIT ngày 23/10/2023 của Công ty TNHH Liên doanh DV Container Quốc tế Cảng Sài Gòn- SSA đề nghị Công bố thông báo hàng hải phạm vi độ sâu luồng ra vào bến sà lan và khu nước trước bến sà lan cảng Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT).

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng ra vào bến sà lan và khu nước trước bến sà lan cảng Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT), như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát luồng ra vào bến sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
BT0	10°30'15,9"N	107°00'04,7"E	10°30'12,3"N	107°00'11,2"E
BP0	10°30'14,5"N	107°00'04,8"E	10°30'10,8"N	107°00'11,3"E
BP1	10°30'14,7"N	107°00'09,1"E	10°30'11,0"N	107°00'15,6"E
BP2	10°30'15,6"N	107°00'13,7"E	10°30'11,9"N	107°00'20,1"E
BP2B	10°30'15,9"N	107°00'13,4"E	10°30'12,2"N	107°00'19,8"E
BP2'	10°30'16,1"N	107°00'13,2"E	10°30'12,4"N	107°00'19,7"E
BT2	10°30'16,8"N	107°00'12,6"E	10°30'13,1"N	107°00'19,1"E
BT1	10°30'16,2"N	107°00'08,9"E	10°30'12,5"N	107°00'15,4"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 5,0 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước số 1 trước bến sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
S1	10°30'16,9"N	107°00'12,5"E	10°30'13,2"N	107°00'19,0"E
S2	10°30'21,1"N	107°00'17,6"E	10°30'17,5"N	107°00'24,0"E
BP3'	10°30'20,3"N	107°00'18,2"E	10°30'16,7"N	107°00'24,7"E
BP2'	10°30'16,1"N	107°00'13,2"E	10°30'12,4"N	107°00'19,7"E
BT2	10°30'16,8"N	107°00'12,6"E	10°30'13,1"N	107°00'19,1"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 5,0 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước số 2 trước bến sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
BP2'	10°30'16,1"N	107°00'13,2"E	10°30'12,4"N	107°00'19,7"E
BP3'	10°30'20,3"N	107°00'18,2"E	10°30'16,7"N	107°00'24,7"E
BP3	10°30'20,1"N	107°00'18,4"E	10°30'16,5"N	107°00'24,9"E
BP2B	10°30'15,9"N	107°00'13,4"E	10°30'12,2"N	107°00'19,8"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 4,0 m.

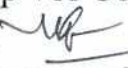
4. Trong phạm vi khảo sát khu nước số 3 trước bến sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
BP2B	10°30'15,9"N	107°00'13,4"E	10°30'12,2"N	107°00'19,8"E
BP2	10°30'15,6"N	107°00'13,7"E	10°30'11,9"N	107°00'20,1"E
S4	10°30'15,5"N	107°00'13,8"E	10°30'11,8"N	107°00'20,2"E
S3'	10°30'19,7"N	107°00'18,8"E	10°30'16,0"N	107°00'25,2"E
BP3	10°30'20,1"N	107°00'18,4"E	10°30'16,5"N	107°00'24,9"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 1,7 m.

5. Trong phạm vi khảo sát rà quét chương ngại vật không phát hiện chương ngại vật nguy hiểm.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu SSIT_2310 và bình đồ rà quét chương ngại vật ký hiệu RQ.SSIT_2310 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 10 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH Liên doanh DV Container Quốc tế Cảng Sài Gòn- SSA ⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Các phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH_{Nhiệm}.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- | | |
|--|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) |
| 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 12 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 4 Cảnh sát biển Việt Nam | 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 16 Cty Vận tải Biển Bắc |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 20 Cảng Sài Gòn |
| - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 23 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 24 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 25 CN1 – Công ty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 26 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 27 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 28 Sở GTVT, Sở NN&PTNT tỉnh BR– VT |
| - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 30 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh | 31 Công ty TNHH Liên doanh DV Container |
| 10 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | Quốc tế Cảng Sài Gòn- SSA |

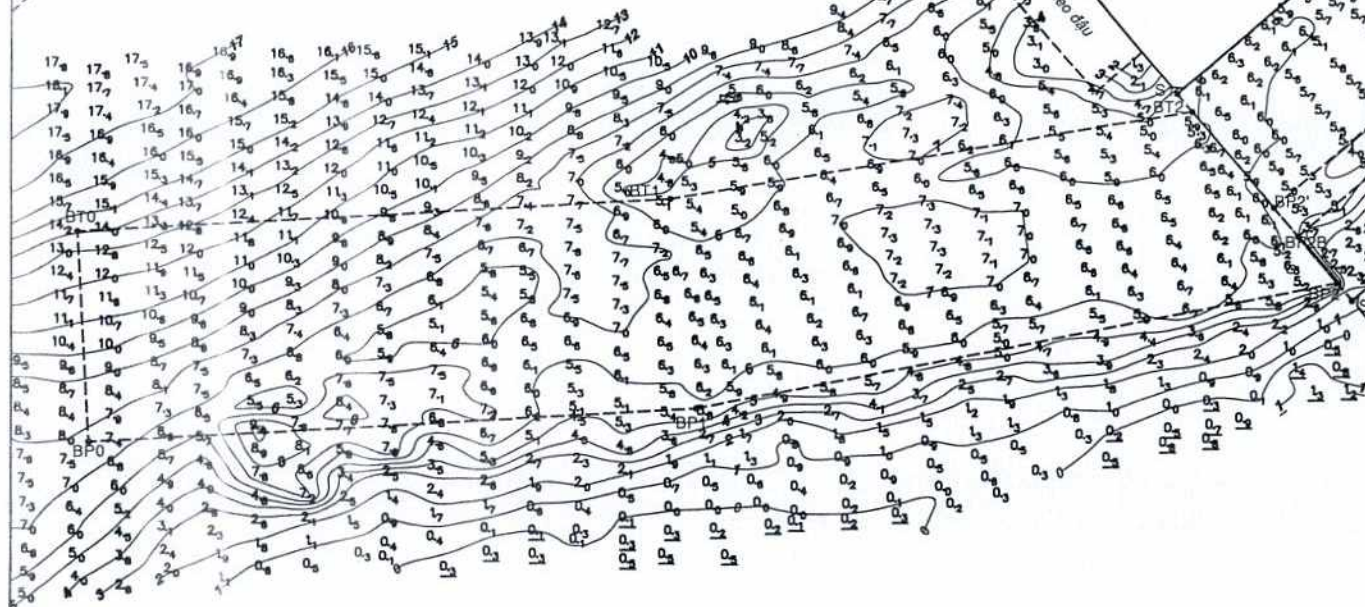
(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



NHH * NVL

1161883.2

610040.9



tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
thị xã Phú Mỹ
phường Phước Hòa

Vị trí điểm đo sâu khu nước trước bến sà lan cảng SSIT

Kèm theo TBHH số: 238 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải

Trích bình đồ độ sâu ký hiệu SSIT_2310, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trực 106, múi chiều 3 độ

609589.7

1161580.7